

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN DƯƠNG KINH
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-ST
Ngày 25-9-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN DƯƠNG KINH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Giản

Ông Đặng Kim Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tiến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2020/TLST-DS, ngày 01 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 569/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 596/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC (sau đây gọi tắt là ngân hàng); trụ sở chính: Số 442 Nguyễn Thị MK, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lương Thị Ngọc H. Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ (giấy ủy quyền số 29/UQ-HAP19 ngày 06-12-2019); có mặt.

- Bị đơn: Ông Phùng Văn B và ông Phùng Văn H, nơi cư trú: Tổ 5, Khu Đ, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Vũ Thị Vân A (vợ anh H); nơi cư trú: Khu Đ, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng Á Châu trình bày: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 06-7-2011 của Ông Phùng Văn B và Phùng Văn H, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng và các văn bản của Ông Phùng Văn B và ông Phùng Văn H ký với ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 28-7-2011, ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng số 4365 9910 0001 9944 cho Ông Phùng Văn B (chủ thẻ chính) và thẻ tín dụng số 4365 9910 0001 9951 cho ông Phùng Văn H (chủ thẻ phụ) với hạn mức thẻ 200.000.000 đồng, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, Ông B và ông H không thanh toán đầy đủ cho ngân hàng theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó đến ngày 27-3-2017, ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của thẻ tín dụng số 4365 9910 0001 9944 và 4365 9910 0001 9951 sang nợ quá hạn. Ngày 28-3-2017, ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ trước hạn. Tính đến ngày 25-9-2020, Ông Phùng Văn B và ông Phùng Văn H còn nợ ngân hàng 545.509.446 (năm trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm linh chín nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng, trong đó nợ gốc là 225.854.694 (hai trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm chín mươi bốn) đồng, lãi quá hạn là 319.654.752 (ba trăm mười chín triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm năm mươi hai) đồng.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phùng Văn B và Phùng Văn H phải trả tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 545.509.446 (năm trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm linh chín nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng, trong đó nợ gốc là 225.854.694 (hai trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm chín mươi bốn) đồng, lãi quá hạn là 319.654.752 (ba trăm mười chín triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm năm mươi hai) đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hông báo thụ lý vụ án cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Ông Phùng Văn B và ông Phùng Văn H nhưng Ông B và ông H đều không đến Tòa án để cung cấp ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tòa án đưa bà Vũ Thị Vân A là vợ của ông Phùng Văn H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã triệu tập và thông báo cho bà Vân Anh nhưng bà Vân Anh cũng không cung cấp ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Tòa án đã thông báo kiểm tra, tiếp cận chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng không hoà giải được do bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều đúng với quy định của pháp luật. Bị đơn và người liên quan chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ông Phùng Văn B và ông Phùng Văn H phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử là 545.509.446 (năm trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm linh chín nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng, trong đó nợ gốc là 225.854.694 (hai trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm chín mươi bốn) đồng, lãi quá hạn là 319.654.752 (ba trăm mười chín triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm năm mươi hai) đồng và các khoản lãi phát sinh sau ngày xét xử theo lãi suất thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

Về án phí: Ngân hàng không phải nộp án phí, Ông B và ông H phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa ngân hàng và ông Phùng Văn B, ông Phùng Văn H là tranh chấp Hợp đồng tín dụng, mục đích vay tiền là để phục vụ cho tiêu dùng nên được xác định là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án. Ông Phùng Văn B và Phùng Văn H là bị đơn cư trú tại phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự tham gia tố tụng của bà Vũ Thị Vân A: Do khoản vay của ông Phùng Văn H với ngân hàng trong thời kỳ hôn nhân với bà Vân A nên Tòa án đã đưa bà Vân A tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà Vân A không có ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ về việc liên quan đến quyền và nghĩa vụ, không có căn cứ xác định khoản vay trên là nợ chung của vợ chồng. Ngân hàng cũng chỉ khởi kiện ông Phùng Văn B và ông Phùng Văn H có nghĩa vụ trả nợ với tư cách là bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy bà Vân A không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Phùng Văn B và ông Phùng Văn H có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại Tổ 5, khu Đ, phường H, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Hiện nay tại địa chỉ trên chỉ có bố mẹ đẻ Ông B và ông H sinh sống, Ông B và ông H vắng mặt tại nơi cư trú. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi ký kết hợp đồng, bị đơn là Ông Phùng Văn B và ông Phùng Văn H đã thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho Nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 nên đây được xem là trường hợp cố tình che giấu địa chỉ, được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bị đơn là ông Phùng Văn B và Phùng Văn H đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phùng Văn B và ông Phùng Văn H theo thủ tục chung.

- Về nội dung tranh chấp:

[4] Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của Ông Phùng Văn B và ông Phùng Văn H, ngày 28-7-2011, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 4365 9910 0001 9944 cho ông Phùng Văn B (chủ thẻ chính), thẻ tín dụng số 4365 9910 0001 9951 cho ông Phùng Văn H (chủ thẻ phụ). Các nội dung thỏa thuận về việc sử dụng thẻ được thực hiện theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Việc thỏa thuận giữa Ông Phùng Văn B và ông Phùng Văn H với ngân hàng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thẻ tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự; hình thức và nội dung thỏa thuận cấp thẻ tín dụng được coi là hợp đồng tín dụng phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó việc cấp thẻ tín dụng của ngân hàng cho Ông B và ông H là hợp pháp, có hiệu lực. Quá trình sử dụng thẻ, Ông B và ông H đã sử dụng thẻ với số tiền 225.854.694 đồng nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày xét xử, Ông B và ông H còn nợ ngân hàng số tiền là: 545.509.446 (năm trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm linh chín nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng, trong đó nợ gốc là 225.854.694 (hai trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm chín mươi bốn) đồng, lãi quá hạn là 319.654.752 (ba trăm mười chín triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm năm mươi hai) đồng. Nay ngân hàng buộc Ông B và ông H phải trả nợ số tiền trên, Hội đồng xét thấy: Căn cứ vào quy định trong Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng Tại điểm i mục 12.2 Điều 12 xác định: *“trường hợp chủ thẻ và/hoặc bên bảo đảm có nhiều người thì toàn bộ những người này có trách nhiệm liên đới trong việc thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết với ngân hàng....”* ; tại mục 14.3 Điều 14 quy định *“Chủ thẻ chính, chủ thẻ phụ chịu trách nhiệm chung ...”*. Vì vậy ngân hàng

yêu cầu Ông B và ông H cùng có nghĩa vụ liên đới trả khoản dư nợ trên là có cơ sở, được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc là 225.854.694 đồng theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Bản các điều khoản sử dụng thẻ của ngân hàng kể từ sau ngày xét xử đến khi trả hết khoản nợ gốc. Yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận trong các điều khoản thỏa thuận cấp thẻ tín dụng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Về án phí:

[6] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn là Ông B và ông H phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Về quyền kháng cáo:

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Các điều 471, điều 474, điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Các điều 40, 277, 288 Bộ luật Dân sự 2015;

Các điều 90, điều 91, điều 94, điều 95, điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu: Buộc Ông Phùng Văn B và ông Phùng Văn H phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC số tiền tính đến ngày 25-9-2020 là 545.509.446 (năm trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm linh chín nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng, trong đó nợ gốc là 225.854.694 (hai trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm chín mươi bốn) đồng, lãi quá hạn là 319.654.752 (ba trăm mười chín triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm năm mươi hai) đồng theo thẻ tín dụng số 4365 9910 0001 9944 cấp cho Ông Phùng Văn B (chủ thẻ chính) thẻ tín dụng số 4365 9910 0001 9951 cấp cho ông Phùng Văn H (chủ thẻ phụ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26-9-2020), Ông Phùng Văn B và ông Phùng Văn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng TMCP AC đối với các thẻ tín dụng số 4365 9910 0001 9944 cấp cho Ông Phùng Văn B (chủ thẻ chính) thẻ tín dụng số 4365 9910 0001 9951 cấp cho ông Phùng Văn H (chủ thẻ phụ) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

2. Về án phí: Ông Phùng Văn B và ông Phùng Văn H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.820.378 (Hai mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi nghìn, ba trăm bảy mươi tám) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC 11.486.000 (mười một triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014400 ngày 25-6-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Phùng Văn B và ông Phùng Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND quận Dương Kinh;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- TANDTP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Dương Kinh;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Thắng